

DANH SÁCH 371 HỘ GIA ĐÌNH CỦA TỔ 32
ĐƯỢC TẶNG DANH HIỆU “GIA ĐÌNH VĂN HÓA” NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1347/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của Chủ tịch UBND phường)

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
1.	Âu Dương Anh	
2.	Âu Dương Tân	
3.	Bùi Bá Duy	
4.	Bùi Ngọc Tú	
5.	Bùi Tấn Ngọc	
6.	Bùi Thị Liễu	
7.	Bùi Thị Minh (Lý đã Mất)	
8.	Bùi Thị Mỹ Hạnh	
9.	Bùi Văn Danh	
10.	Châu Ngọc Việt	
11.	Chế Thị Minh Thủy	
12.	Cù Thanh Nghị	
13.	Đặng Hòa	
14.	Đặng Minh Tuấn	
15.	Đặng Tấn Lễ	
16.	Đặng Thành Quý	
17.	Đặng Thị Sương	
18.	Đặng Thị Thanh Thủy	
19.	Đào Tấn Cảnh	
20.	Đinh Thị Tòa	
21.	Đỗ Miên Vũ	
22.	Đỗ Phước Đoan	
23.	Đỗ Thị Liên	
24.	Đỗ Thị Trinh	
25.	Đỗ Thị Xuân Chinh	
26.	Đỗ Trưa	
27.	Đoàn Thăng Long	
28.	Dương Biên	
29.	Dương Trùng Dương	
30.	Dương Văn Đồng	
31.	Hồ Thị Bên	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
32.	Hồ Thị Mai	
33.	Hồ Thị Nguyệt Minh	
34.	Hoàng Công Đàm	
35.	Hoàng Công Hiếu	
36.	Hoàng Công Khiêm	
37.	Hoàng Công Luyện	
38.	Hoàng Duy Thắng	
39.	Huỳnh Hùng	
40.	Huỳnh Tấn Dũng	
41.	Huỳnh Thị Bắc	
42.	Huỳnh Thị Bích Thu	
43.	Huỳnh Thị Đãi	
44.	Huỳnh Thị Trợ	
45.	Huỳnh Văn Bình	
46.	Kiều Thị Nga	
47.	Lâm Đạo Trung	
48.	Lâm Minh Xùng	
49.	Lâm Thị Nguyên	
50.	Lâm Thị Tuyết Nhung	
51.	Lê Doãn Công	
52.	Lê Hạnh	
53.	Lê Hưng	
54.	Lê Quang Địch	
55.	Lê Quý	
56.	Lê Tấn Đông	
57.	Lê Tấn Thọ	
58.	Lê Thanh Phong	
59.	Lê Thị Công	
60.	Lê Thị Hoàng Mỹ	
61.	Lê Thị Hồng Thủy	
62.	Lê Thị Sắc	
63.	Lê Thị Thạch	
64.	Lê Trọng Công	
65.	Lê Tuấn Tuyên	
66.	Lê Văn Đồ	
67.	Lê Văn Mừng	
68.	Lê Văn Tâm	
69.	Lê Văn Thiện	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
70.	Lê Văn Tiến	
71.	Lê Văn Tuấn	
72.	Lương Công Thiện	
73.	Lưu Bá Hảo	
74.	Lưu Quốc Hưng	
75.	Lưu Thiết Hùng	
76.	Lý Chia	
77.	Lý Thanh Tuyền	
78.	Lý Thị Ngọc Tuyền	
79.	Mạc Thị Loan	
80.	Mạc Thị Lộc	
81.	Mai Đình Thảo	
82.	Mai Thanh Bình	
83.	Mai Thanh Truyền	
84.	Mai Thị Duyên	
85.	Mai Thị Hiền	
86.	Mai Thị Thu Hiệp	
87.	Nghiêm Xuân	
88.	Ngô Duy Thanh	
89.	Ngô Duy Tin	
90.	Ngô Duy Tín	
91.	Ngô Duy Vinh	
92.	Ngô Hoàng Ly	
93.	Ngô Lâm	
94.	Ngô Lượng	
95.	Ngô Quang Cảm	
96.	Ngô Quang Thương	
97.	Ngô Quang Việt	
98.	Ngô Tân Nhuệ	
99.	Ngô Thị Ánh Thúy	
100.	Ngô Thị Chò	
101.	Ngô Thị Dân	
102.	Ngô Thị Đậu	
103.	Ngô Thị Phương	
104.	Ngô Thị Thái Thư	
105.	Ngô Thị Thuý Kiều	
106.	Ngô Thông Chấn	
107.	Ngô Thông Đoan	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
108.	Ngô Thông Hạo	
109.	Ngô Thông Hiều	
110.	Ngô Xuân Hùng	
111.	Ngô Xuân Tâm	
112.	Ngô Xuân Thơm	
113.	Ngô Xuân Tuấn	
114.	Nguyễn Anh	
115.	Nguyễn Bất	
116.	Nguyễn Cư	
117.	Nguyễn Danh	
118.	Nguyễn Đình	
119.	Nguyễn Đình Công	
120.	Nguyễn Đình Hoàng	
121.	Nguyễn Đình Hưng	
122.	Nguyễn Đức Anh	
123.	Nguyễn Đức Cầu	
124.	Nguyễn Đức Dư	
125.	Nguyễn Đức Nhựt	
126.	Nguyễn Đức Sơn	
127.	Nguyễn Đức Tấn	
128.	Nguyễn Đức Toàn	
129.	Nguyễn Đức Trung	
130.	Nguyễn Đức Trường	
131.	Nguyễn Đức Vũ	
132.	Nguyễn Duy Hảo	
133.	Nguyễn Duy Hòa	
134.	Nguyễn Duyên Hải	
135.	Nguyễn Hoàng Cương	
136.	Nguyễn Hoàng Kiên	
137.	Nguyễn Hồng Vân	
138.	Nguyễn Hữu Bằng	
139.	Nguyễn Hữu Chiến	
140.	Nguyễn Hữu Đông	
141.	Nguyễn Hữu Nghĩa	
142.	Nguyễn Kim	
143.	Nguyễn Kỳ	
144.	Nguyễn Lâm Hà	
145.	Nguyễn Lương	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
146.	Nguyễn Minh Chi	
147.	Nguyễn Minh Dũng	
148.	Nguyễn Minh Thùy	
149.	Nguyễn Ngọc Tân	
150.	Nguyễn Ngọc Thuận	
151.	Nguyễn Ngọc Viên	
152.	Nguyễn Phạm Minh Tuấn	
153.	Nguyễn Phan Thái Thanh	
154.	Nguyễn Phúc Viễn	
155.	Nguyễn Quảng	
156.	Nguyễn Quang Tuấn	
157.	Nguyễn Quốc Cường	
158.	Nguyễn Quốc Huy	
159.	Nguyễn Quốc Thanh	
160.	Nguyễn Tấn Thành	
161.	Nguyễn Tăng Hùng	
162.	Nguyễn Tăng Thanh (Huỳnh Thị Thảo đã mất)	
163.	Nguyễn Thanh Bình	
164.	Nguyễn Thanh Cư	
165.	Nguyễn Thanh Dũng	
166.	Nguyễn Thanh Hùng	
167.	Nguyễn Thành Nhân	
168.	Nguyễn Thành Quý	
169.	Nguyễn Thanh Tâm	
170.	Nguyễn Thanh Tịnh	
171.	Nguyễn Thanh Tú	
172.	Nguyễn Thanh Tuấn	
173.	Nguyễn Thế Chiến	
174.	Nguyễn Thế Khải	
175.	Nguyễn Thị Bích Hạnh	
176.	Nguyễn Thị Đình	
177.	Nguyễn Thị Hải Yến	
178.	Nguyễn Thị Hồng	
179.	Nguyễn Thị Hồng Anh	
180.	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	
181.	Nguyễn Thị Huyền	
182.	Nguyễn Thị Kim Chi	
183.	Nguyễn Thị Kim Dung (A)	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
184.	Nguyễn Thị Kim Dung (B)	
185.	Nguyễn Thị Kim Lộc	
186.	Nguyễn Thị Liên	
187.	Nguyễn Thị Liên (Trương Thị Chi)	
188.	Nguyễn Thị Loan	
189.	Nguyễn Thị Minh Hiền	
190.	Nguyễn Thị Mười	
191.	Nguyễn Thị Nga	
192.	Nguyễn Thị Nhị	
193.	Nguyễn Thị Nho	
194.	Nguyễn Thị Phúc	
195.	Nguyễn Thị Qui	
196.	Nguyễn Thị Sâm	
197.	Nguyễn Thị Tâm	
198.	Nguyễn Thị Tạo	
199.	Nguyễn Thị Thanh Sơn	
200.	Nguyễn Thị Thanh Thảo (Hưng)	
201.	Nguyễn Thị Thơm	
202.	Nguyễn Thị Thu Hương	
203.	Nguyễn Thị Thu Nga	
204.	Nguyễn Thị Thu Phương	
205.	Nguyễn Thị Thu Trang	
206.	Nguyễn Thị Thuận	
207.	Nguyễn Thị Tuyết Sương	
208.	Nguyễn Thị Vân	
209.	Nguyễn Thị Vân (Viễn)	
210.	Nguyễn Thị Viết	
211.	Nguyễn Thị Vy Tuyên	
212.	Nguyễn Thị Xuân	
213.	Nguyễn Thị Xuân Chinh	
214.	Nguyễn Thiện Sĩ	
215.	Nguyễn Thiện Thuật	
216.	Nguyễn Tiên	
217.	Nguyễn Trương Toàn	
218.	Nguyễn Trương Tuấn	
219.	Nguyễn Tuấn	
220.	Nguyễn Tuấn Khôi	
221.	Nguyễn Văn Bé	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
222.	Nguyễn Văn Hòa	
223.	Nguyễn Văn Lang	
224.	Nguyễn Văn Quang	
225.	Nguyễn Văn Tâm	
226.	Nguyễn Văn Thuận	
227.	Nguyễn Xuân Mai	
228.	Nguyễn Xuân Trúc	
229.	Phạm Hữu Thành	
230.	Phạm Ngọc Phúc	
231.	Phạm Ngọc Vũ Quỳnh	
232.	Phạm Phú Phong	
233.	Phạm Quang Hiệp	
234.	Phạm Thị Diễm Linh	
235.	Phạm Thị Dưỡng	
236.	Phạm Thị Lực	
237.	Phạm Thị Quyên	
238.	Phạm Thị Thiện (Võ Tấn Danh)	
239.	Phạm Thị Vân	
240.	Phạm Thị Vị	
241.	Phạm Trần Luân	
242.	Phạm Văn Tâm	
243.	Phạm Văn Tâm	
244.	Phạm Viết Thanh	
245.	Phạm Vinh	
246.	Phạm Xuân Đồng	
247.	Phan Đủ	
248.	Phan Thị Ngọc Hà	
249.	Phan Thị Phường	
250.	Phan Thị Thuyền	
251.	Phan Văn Hùng	
252.	Phan Văn Lương	
253.	Phùng Kim Anh	
254.	Phùng Kim Phước	
255.	Phùng Kim Thành	
256.	Phùng Thị Kim Minh	
257.	Phùng Trung Hoa	
258.	Trần An Đông	
259.	Trần Anh Đức	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
260.	Trần Công Dân	
261.	Trần Đình Tài	
262.	Trần Đình Tùng	
263.	Trần Đức Anh	
264.	Trần Huệ	
265.	Trần Khanh	
266.	Trần Minh Hùng	
267.	Trần Ngọc Hiệp	
268.	Trần Ngon	
269.	Trần Ngọt	
270.	Trần Nguyên Hưng	
271.	Trần Nờm	
272.	Trần Quang Trí	
273.	Trần Quốc Dũng	
274.	Trần Thanh Thu (Nguyễn Thị Yên)	
275.	Trần Thanh Trung	
276.	Trần Thị Bích Lộc	
277.	Trần Thị Hồng	
278.	Trần Thị Kim Chi	
279.	Trần Thị Lụa	
280.	Trần Thị Nhân	
281.	Trần Thị Thanh	
282.	Trần Thị Thu	
283.	Trần Thị Thu Hà	
284.	Trần Thơ	
285.	Trần Thương	
286.	Trần Văn Chanh	
287.	Trần Văn Đông	
288.	Trần Văn Hợi	
289.	Trần Văn Phúc	
290.	Trần Vũ Thiên	
291.	Trần Xuân Học	
292.	Trịnh Mai Hoàng Tuấn	
293.	Trịnh Tuấn Dũng	
294.	Trương Anh Quốc	
295.	Trương Chánh	
296.	Trương Chung	
297.	Trương Dũng	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
298.	Trương Kỹ	
299.	Trương Lai	
300.	Trương Minh Huệ	
301.	Trương Minh Lân	
302.	Trương Ngọc Quý	
303.	Trương Quang Hiệu	
304.	Trương Quang Thanh	
305.	Trương Quang Thảo	
306.	Trương Tấn	
307.	Trương Thị Búp	
308.	Trương Thị Chi	
309.	Trương Thị Đường	
310.	Trương Thị Linh	
311.	Trương Thiết Giáp	
312.	Trương Tùng	
313.	Trương Út	
314.	Trương Văn Lợi	
315.	Từ Thị Xuân Thủy	
316.	Vi Tấn Việt	
317.	Vi Trung	
318.	Võ Chí Bằng	
319.	Võ Chí Bằng	
320.	Võ Chí Công	
321.	Võ Đại	
322.	Võ Đến	
323.	Võ Đình Thành	
324.	Võ Đức Hân	
325.	Võ Duy Sinh	
326.	Võ Hoàng Đình Ngọc	
327.	Võ Hoàng Thanh Bình	
328.	Võ Hoàng Thanh Tịnh	
329.	Võ Huyền	
330.	Võ Ngọc Quý	
331.	Võ Tâm	
332.	Võ Tấn Đủ	
333.	Võ Tấn Tám	
334.	Võ Thành	
335.	Võ Thành	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
336.	Võ Thành Cát	
337.	Võ Thành Đài	
338.	Võ Thành Đông	
339.	Võ Thành Dương	
340.	Võ Thành Dương	
341.	Võ Thành Đường	
342.	Võ Thành Hồ	
343.	Võ Thanh Hồng	
344.	Võ Thanh Long	
345.	Võ Thành Mẫn	
346.	Võ Thành Quang (con ô Cát)	
347.	Võ Thành Quang (con ô Na)	
348.	Võ Thành Sáu	
349.	Võ Thành Tâm	
350.	Võ Thành Tiến	
351.	Võ Thanh Tịnh	
352.	Võ Thanh Tuyên	
353.	Võ Thị Bích Hiếu	
354.	Võ Thị Bích Thủy	
355.	Võ Thị Bưởi	
356.	Võ Thị Chánh	
357.	Võ Thị Chín	
358.	Võ Thị Hoàng Mỹ	
359.	Võ Thị Hoanh	
360.	Võ Thị Hương	
361.	Võ Thị Liên	
362.	Võ Thị Mai	
363.	Võ Thị Mãi	
364.	Võ Thị Thanh	
365.	Võ Thị Trí	
366.	Võ Trung Thu	
367.	Võ Văn Thanh	
368.	Võ Văn Tiên	
369.	Võ Việt Chính	
370.	Vũ Thị Mận	
371.	Vương Đình Triết	